

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2026
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận

Ông Trần Đức Hoà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai: Bà Dương Hoài Thảo, chức vụ Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 201/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Phùng Kiềm P, sinh năm 1991

- *Bị đơn:* chị Đặng Mùi N1, sinh năm 1996

Cùng trú tại: thôn E, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2025 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn anh Phùng Kiềm P trình bày: Anh Phùng Kiềm P và chị Đặng Mùi N1 tự nguyện chung sống từ năm 2014 đến năm 2015 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống và việc phát triển kinh tế trong gia đình, chung sống đến năm 2024 chị N1 tự ý bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân liên tục từ năm 2024 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, sống bỏ mặc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; hiện nay anh P thấy không còn tình cảm với chị N1 nên yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12–Đồng Nai giải quyết cho anh P được ly hôn với chị Đặng Mùi N1.

Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Phùng Thị Thu H, sinh năm 2014; cháu Phùng Mạnh C, sinh năm 2019. Sau khi ly hôn anh P có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; trong thời gian vợ chồng sống ly thân và hiện nay anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn chị Đặng Mùi N1: Chị Đặng Mùi N1 cư trú tại thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước nay là thôn E, xã Đ, tỉnh Đồng Nai; tuy nhiên trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị N1 không có mặt tại địa phương; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và nhắc tin trên B, sóng truyền hình Việt Nam, cổng thông tin điện tử của Tòa án, yêu cầu chị N1 đến Tòa án để làm việc nhưng chị N1 không đến, không cung cấp lời khai, không giao nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Các tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp tài liệu, chứng cứ như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Phùng Kiềm P được ly hôn với chị Đặng Mùi N1; về con chung giao cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Phùng Thị Thu H, sinh năm 2014; cháu Phùng Mạnh C, sinh năm 2019 cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của anh P và giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do anh P giao nộp hợp pháp tại Tòa án, xác định được anh Phùng Kiềm P và chị Đặng Mùi N1 tự nguyện kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Phùng Kiềm P và chị Đặng Mùi N1 là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của anh P cho rằng giữa anh P và chị N1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị N1 bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ năm 2024 liên tục đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, sống bỏ mặc nhau; hiện nay anh P thấy không còn tình cảm với chị N1 và yêu cầu được ly hôn. Phía chị N1 bỏ đi khỏi địa phương, Tòa án đã tiến hành nhắc tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng chị N1 không đến Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng

Nai để làm việc, không thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Căn cứ vào lời khai của người làm chứng xác định được giữa anh P và chị N1 có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống ly thân kéo dài. Như vậy, có căn cứ xác định giữa anh P và chị N1 là có mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P.

[2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của anh P và giấy khai sinh do anh P cung cấp xác định được giữa anh P và chị N1 có 02 con chung là các cháu Phùng Thị Thu H, sinh năm 2014; cháu Phùng Mạnh C, sinh năm 2019. Sau khi ly hôn anh P có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi các cháu thành niên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; trong thời gian vợ chồng sống ly thân và hiện nay anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Hội đồng xét xử thấy qua ý kiến của cháu H và cháu C đều có nguyện vọng được chung sống với bố, để các cháu tiếp tục ổn định cuộc sống, sinh hoạt lâu nay cần chấp nhận yêu cầu của anh P và ý kiến cháu H, cháu C giao cả hai cháu Phùng Thị Thu H, sinh năm 2014; cháu Phùng Mạnh C, sinh năm 2019 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con anh P không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ Luật Tố tụng dân sự các đương sự phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Phùng Kiềm P được ly hôn với chị Đặng Mùi N1.

[2] Về con chung: Giao các cháu Phùng Thị Thu H, sinh năm 2014; cháu Phùng Mạnh C, sinh năm 2019 cho anh Phùng Kiềm P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị Đặng Mùi N1 có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các

bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Phùng Kiềm P nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0008875, ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tổng 10 vb).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THÙY LINH